TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BA VÌ – TP. HÀ NỘI
Bản án số: 82/2025/HNGĐ-ST
Ngày 11 tháng 3 năm 2025
"*V/v: Tranh chấp hôn nhân gia đình*"

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BA VÌ – THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Đỗ Duy Liệu.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Bống, ông Phùng Xuân Phong.

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Nguyễn Thị Quyển – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Ba Vì, thành phố Hà Nội.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ba Vì tham gia phiên tòa***: Ông Đỗ Hoàng PH - Kiểm sát viên.

Trong ngày 11 tháng 3 năm 2025. Tại Tòa án nhân dân huyện Ba Vì, thành phố Hà Nội xét xử công khai, sơ thẩm vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 350/2024/TLST - HNGĐ ngày 14 tháng 10 năm 2024. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 09/2025/QĐXXST- HNGĐ ngày 21/02/2025, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị H, sinh năm: 1991 (Có mặt).

Nơi ĐKHKTT: Thôn QH, xã ĐQ, huyện Ba Vì, TP.Hà Nội.

Chỗ ở hiện nay: Thôn 6, xã HB, huyện TT, thành phố Hà Nội.

Bị đơn: Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1986 (Có mặt).

Địa chỉ: Thôn QH, xã ĐQ, huyện Ba Vì, thành phố Hà Nội.

NỘI DUNG VỤ ÁN

** Tại đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn Nguyễn Thị H trình bày:*

- Về quan hệ hôn nhân: Chị và Nguyễn Văn T kết hôn năm 2014, đăng ký kết hôn tại UBND xã Đông Quang, huyện Ba Vì ngày 14/5/2014. Hai bên kết hôn trên cơ sở tự nguyện, sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm, mặt khác do giữa chị và mẹ chồng không hoà hợp thường xuyên xảy ra mâu thuẫn,

chính vì vậy tình cảm vợ chồng không hạnh phúc, chị và anh T đã sống ly thân nhau từ năm 2022 đến nay. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, đề nghị Tòa án giải quyết cho được ly hôn với anh Nguyễn Văn T.

- Về con chung: Vợ chồng có ba con chung là Nguyễn Thị PH G, sinh ngày 03/4/2015, Nguyễn Tiến Đ, sinh ngày 14/9/2017 và Nguyễn Thị PH T1, sinh ngày 24/11/2021. Hiện nay cháu T1 đang do chị nuôi dưỡng, cháu G, cháu Đ đang do anh T nuôi dưỡng, khi Toà án giải quyết ly hôn, chị nhận nuôi cháu T1 để lại cháu G và cháu Đ cho anh T nuôi dưỡng.

- Về tài sản chung, nợ chung, tài sản riêng: Chị xác nhận không có.

** Tại biên bản ghi lời khai ngày 13/02/2025, bị đơn anh Nguyễn Văn T khai như sau:*

- Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị H kết hôn năm 2014, đăng ký kết hôn tại UBND xã Đông Quang, huyện Ba Vì, vợ chồng kết hôn tự nguyện. Sau khi kết hôn, vì tính chất công việc anh và chị H thuê nhà sống với nhau tại huyện Thạch Thất, thành phố Hà Nội đến đầu năm 2015 thì vợ chồng chuyển về sống tại thôn QH, xã ĐQ, huyện Ba Vì. Anh và chị H sống hạnh phúc với nhau đến giữa năm 2023 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do chị H không biết cách sống, vợ chồng không hiểu nhau, anh và chị H đã sống ly thân nhau từ cuối năm 2023 đến nay. Trong thời gian sống ly thân, thời gian đầu vợ chồng vẫn quan tâm đến nhau nhưng sau đó cả hai cắt đứt mọi liên lạc. Nay chị H làm đơn xin ly hôn, anh thấy tình cảm vợ chồng vẫn còn, tha thiết mong muốn đoàn tụ. Nếu chị H cương quyết xin ly hôn, anh đề nghị Toà án giải quyết theo pháp luật.

- Về con chung: Anh và chị H có ba con chung như chị H trình bày là đúng, từ ngày vợ chồng sống ly thân, anh nuôi cháu Nguyễn Thị PH G và Nguyễn Tiến Đ, chị H nuôi cháu Nguyễn Thị PH T1. Nếu phải ly hôn, anh nhận nuôi cháu G, cháu Đ và yêu cầu chị H cấp dưỡng 1.500.000đồng/tháng/02 cháu, để lại cháu T1 cho chị H nuôi dưỡng.

- Về tài sản chung, nợ chung: Anh T cũng xác nhận không có.

* Tại phiên tòa hôm nay, sau khi trình bày và tranh luận, chị Nguyễn Thị H và anh Nguyễn Văn T vẫn giữ quan điểm của mình:

- Ý kiến của chị Nguyễn Thị H:

+ Về quan hệ hôn nhân: Chị H xác định tình cảm vợ chồng không còn, cương quyết đề nghị Toà án giải quyết cho được ly hôn với anh Nguyễn Văn T.

+ Về con chung: Chị H nhận nuôi cháu Nguyễn Thị PH T1 để lại cháu Nguyễn Thị PH G và Nguyễn Tiến Đ cho anh T nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị H không đồng ý việc anh T yêu cầu chị cấp dưỡng 1.500.000đ/tháng để nuôi hai cháu G, Đ vì: Chị và cháu T1 đang phải ở nhờ nhà bố mẹ đẻ, lương, thu nhập một tháng 5.000.000 đồng, cháu T1 đang phải học tư thục, mức học phí 3.000.000 đồng/tháng nên chị không có điều kiện để cấp dưỡng cho anh T nuôi con.

+ Về tài sản chung, riêng, nợ chung: Chị H khẳng định không có.

- Ý kiến của anh Nguyễn Văn T:

+ Về quan hệ hôn nhân: Nếu chị H cương quyết xin ly hôn, anh đề nghị Toà án giải quyết vụ việc theo pháp luật.

+ Về con chung: Anh T nhận nuôi cháu cháu Nguyễn Thị PH G và Nguyễn Tiến Đ để lại cháu Nguyễn Thị PH T1 cho chị H nuôi dưỡng. Yêu cầu chị H cấp dưỡng 1.500.000 đồng/tháng để anh nuôi hai con.

+ Về tài sản chung, riêng, nợ chung: Anh T cũng khẳng định không có.

*** Phát biểu của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa**:

+ Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, từ khi thụ lý vụ án đến trước khi Hội đồng xét xử vào nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

+ Về nội dung vụ án:

- Về quan hệ hôn nhân: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình xử cho chị H được ly hôn anh T.

- Về con chung: Căn cứ Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình, ghi nhận sự thoả thuận của hai anh chị về việc người nuôi con như sau: Giao cháu Nguyễn Thị PH T1, sinh ngày 24/11/2021 cho chị Nguyễn Thị H nuôi dưỡng đến khi cháu T1 tròn 18 tuổi. Giao cháu Nguyễn Thị PH G, sinh ngày 03/4/2015, Nguyễn Tiến Đ, sinh ngày 14/9/2017 cho anh Nguyễn Văn T nuôi dưỡng đến khi hai cháu G, Đ tròn 18 tuổi.

+ Về cấp dưỡng nuôi con: Anh T yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con chung cho 02 cháu G và cháu Đ là 1.500.000đ/tháng. Xét thấy: Công việc của chị H hiện tại là công nhân với thu nhập 5.000.000đ/tháng; hiện tại đang nuôi con nhỏ là cháu T1; Ngoài ra theo lời khai của chị H do cháu T1 chưa nhập khẩu về địa pH nên phải đi mẫu giáo tư thục với mức học phí 3.000.000đ/tháng nên chị H chưa có đủ điều kiện để đáp ứng mức cấp dưỡng 1.500.000đ/tháng như anh T yêu cầu. Do đó, Viện KS có quan điểm: Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con đối với chị Nguyễn Thị H và anh Nguyễn Văn T đến khi các cháu tròn 18 tuổi hoặc đến khi có yêu cầu mới.

- Về tài sản chung, riêng, nợ chung: Cả hai anh chị đều khai không có nên đề nghị HĐXX không xét.

- Về án phí: Chị H phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1] Về tố tụng dân sự: Chị Nguyễn Thị H làm đơn đề nghị Tòa án giải quyết cho được ly hôn, nuôi con với anh Nguyễn Văn T, quan hệ pháp luật Tòa án giải quyết là ly hôn, nuôi con theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự. Chị H, anh T cùng có hộ khẩu thường trú tại huyện Ba Vì nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Ba Vì, thành phố Hà Nội theo quy định tại khoản 1 Điều 35, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị H và anh Nguyễn Văn T kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Đông Quang, huyện Ba Vì, thành phố Hà Nội ngày 14/5/2014 là hôn nhân hợp pháp. Hai anh chị đã có chín năm chung sống hạnh phúc, đến năm 2023 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân theo như chị H khai do vợ chồng bất đồng quan điểm, không có tiếng nói chung, theo như anh T khai do chị H không biết cách sống, vợ chồng không hiểu nhau, vợ chồng đã sống ly thân nhau từ năm 2023 đến nay. Hội đồng xét xử thấy rằng: Mâu thuẫn vợ chồng giữa chị H và anh T đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không Đ được, chị H cương quyết xin ly hôn, anh T mong muốn đoàn tụ nhưng không có biện pháp để cải thiện tình cảm vợ chồng nên chấp nhận cho chị Nguyễn Thị H được ly hôn với anh Nguyễn Văn T là phù hợp với các Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Chị H và anh T có ba con chung là Nguyễn Thị PH G, sinh ngày 03/4/2015, Nguyễn Tiến Đ, sinh ngày 14/9/2017 và Nguyễn Thị PH T1, sinh ngày 24/11/2021. Khi ly hôn, chị H nhận nuôi cháu T1 để lại cháu G và cháu Đ cho anh T nuôi dưỡng, anh T đồng ý nuôi hai con nhưng yêu cầu chị H cấp dưỡng 1.500.000 đồng/tháng để anh nuôi hai cháu G, Đ.

- Xét về người trực tiếp nuôi con: Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên toà, hai anh chị đã thống nhất được với nhau về việc người nuôi con. Nên Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình ghi nhận sự thoả thuận giữa chị H và anh T về người trực tiếp nuôi con như sau:

+ Giao cháu Nguyễn Thị PH T1 cho chị Nguyễn Thị H tiếp tục nuôi dưỡng đến khi cháu T1 tròn 18 tuổi hoặc đến khi có quyết định khác thay đổi.

+ Giao cháu Nguyễn Thị PH G và Nguyễn Tiến Đ cho anh Nguyễn Văn T tiếp tục nuôi dưỡng đến khi các cháu G và Đ tròn 18 tuổi hoặc đến khi có quyết định khác thay đổi.

Sau khi ly hôn, chị H, anh T được quyền qua lại, thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được ngăn cản.

- Xét về yêu cầu cấp dưỡng nuôi con: Chị H nuôi cháu T1, không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con, anh T nuôi cháu G, cháu Đ, yêu cầu chị H cấp dưỡng 1.500.000 đồng/tháng. Hội đồng xét xử thấy rằng: Việc cấp dưỡng nuôi con chung chưa thành niên, con đã thành niên không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình là nghĩa vụ của cha, mẹ. Tuy nhiên, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, lời khai các đương sự tại Toà thì chị H là công nhân thu nhập 5.000.000 đồng/tháng, chị và cháu T1 đang phải ở nhờ nhà ông bà ngoại, cháu T1 đang phải học mẫu giáo tư thực với mức học phí 3.000.000 đồng/tháng, trong khi đó anh T thu nhập 8.100.000 đồng/tháng, anh T, cháu G và cháu Đ đang có nơi ăn, ở ổn định. Do vậy Hội đồng xét xử tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con đối với chị Nguyễn Thị H đến khi các cháu G và Đ tròn 18 tuổi hoặc đến khi có quyết định khác thay đổi.

[4] Về tài sản chung, riêng, nợ chung: Chị H, anh T đều khai không có nên Hội đồng xét xử không xét.

[5] Về án phí: Chị Nguyễn Thị H phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào Điều 51, 56, 57, 81, 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, Điều 39, Điều 147, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự 2015. Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14. **Xử**:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc xin ly hôn anh Nguyễn Văn T. Chị Nguyễn Thị H được ly hôn anh Nguyễn Văn T.

2. Về con chung: Có ba con chung là Nguyễn Thị PH G, sinh ngày 03/4/2015, Nguyễn Tiến Đ, sinh ngày 14/9/2017 và Nguyễn Thị PH T1, sinh ngày

24/11/2021. Ghi nhận sự thoả thuận của chị H và anh T về việc người trực tiếp nuôi con như sau:

- Giao cháu Nguyễn Thị PH T1, sinh ngày 24/11/2021 cho chị Nguyễn Thị H tiếp tục nuôi dưỡng đến khi cháu T1 tròn 18 tuổi hoặc đến khi có quyết định khác thay đổi.

- Giao cháu Nguyễn Thị PH G, sinh ngày 03/4/2015 và Nguyễn Tiến Đ, sinh ngày 14/9/2017 cho anh Nguyễn Văn T tiếp tục nuôi dưỡng đến khi cháu G, Đ tròn 18 tuổi hoặc đến khi có quyết định khác thay đổi

Sau khi ly hôn, chị Nguyễn Thị H và anh Nguyễn Văn T được quyền qua lại thăm nom, chăm sóc con chung không ai được ngăn cản.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con đối với chị Nguyễn Thị H và anh Nguyễn Văn T đến khi các cháu G, Đ và T1 tròn 18 tuổi hoặc đến khi có quyết định khác thay đổi.

3. Về tài sản chung, riêng, nợ chung: Không có.

4. Về án phí: Chị Nguyễn Thị H phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm. Số tiền này được đối trừ vào số tiền 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) mà chị H đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Ba Vì, thành phố Hà Nội ngày 14/10/2024 theo biên lai số 0014367.

5. Quyền kháng cáo: Chị Nguyễn Thị H, anh Nguyễn Văn T được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

Đỗ Duy Liệu

Nơi nhận:
- *TAND TP Hà Nội*
- *VKSND huyện*
- *Người tham gia tố tụng*
- *UBND xã Đông Quang.*
- *THA dân sự*
- *Lưu hồ sơ*